



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Tổng giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	11 – 26

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: HKT Holdings) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số thuế 5400257584, cấp chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 04 năm 2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là HKT.

Vốn điều lệ : 61.350.290.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (Nay là Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh);

Điện thoại : +84 (028) 36 20 26 26

Mã số thuế : 5 4 0 0 2 5 7 5 8 4

3. Ngành nghề hoạt động

- Kinh doanh thương mại nông sản, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Hội đồng Quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Tự Trọng	Chủ tịch	24/10/2024	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân	Thành viên	24/10/2024	-
Ông Nguyễn Hồng Anh Khá	Thành viên	24/10/2024	-
Ông Trần Hoàng Khang	Thành viên độc lập	24/10/2024	-

4.2 Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hoàng Khang	Chủ tịch UBKT	24/10/2024	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân	Thành viên UBKT	24/10/2024	-

4.3 Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Tổng Giám đốc	31/03/2025	-
Ông Ngô Minh Hải	Tổng Giám đốc	-	31/03/2025
Ông Nguyễn Minh Hải	Kế toán trưởng	20/06/2025	-
Ông Nguyễn Văn Hải	Kế toán trưởng	31/03/2025	20/06/2025
Bà Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng	2009	31/03/2025

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Tự Trọng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 26.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ (dự kiến) lên 333.350.290.000 đồng theo Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2025 và Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 29/05/2025. UBCKNN đã nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty theo công văn số 3817/UBCK-QLCB ngày 25/07/2025.

Ngoài sự kiện nêu trên Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

9 Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Địa chỉ: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình hoạt động giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN MẠNH TUẤN

Tổng Giám đốc



Số: 2422/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2025, từ trang 07 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác phát hành tại ngày lần lượt là 14 tháng 08 năm 2024 và 21 tháng 03 năm 2025 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số 2141-2023 -071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.518.654.797	66.429.829.496
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.719.947.613	2.214.960.125
111	1. Tiền		1.719.947.613	2.214.960.125
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		62.999.638.566	58.612.417.544
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	4.395.173.816	1.892.571.466
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	790.968.206	57.830.030
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	4.700.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	59.000.000.000	53.148.519.504
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(1.186.503.456)	(1.186.503.456)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	736.518.200	5.595.483.421
141	1. Hàng tồn kho		759.621.070	5.595.483.421
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(23.102.870)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		62.550.418	6.968.406
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		57.408.334	-
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	6.684.106
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.142.084	284.300
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.520.772.500	23.594.362.220
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		-	3.844.657.363
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	-	3.844.657.363
222	- Nguyên giá		-	20.769.296.151
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	(16.924.638.788)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.8	8.390.000.000	19.300.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.390.000.000	19.300.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		130.772.500	449.704.857
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		130.772.500	449.704.857
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		74.039.427.297	90.024.191.716

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Địa chỉ: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.071.767.992	19.141.006.322
310	I. Nợ ngắn hạn		2.071.767.992	19.141.006.322
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	686.652.903	1.747.160.792
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	670.000.000	1.389.628.772
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	423.390.228	284.542.282
314	4. Phải trả người lao động		19.548.500	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		30.000.000	313.943.972
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		2.240.000	165.794.136
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	15.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.12	239.936.361	239.936.361
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		71.967.659.305	70.883.185.394
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.13	71.967.659.305	70.883.185.394
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.350.290.000	61.350.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.350.290.000	61.350.290.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		287.923.633	287.923.633
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.329.445.672	9.244.971.761
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		9.244.971.761	8.989.410.898
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.084.473.911	255.560.863
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		74.039.427.297	90.024.191.716

Người lập



NGUYỄN THỊ CẨM THÚY

Kế toán trưởng



NGUYỄN MINH HẢI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



NGUYỄN MẠNH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Địa chỉ: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VNĐ

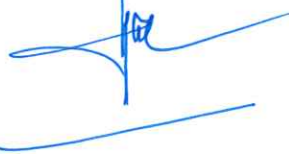
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	39.216.032.876	87.248.100.027
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.216.032.876	87.248.100.027
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	38.110.894.718	86.693.919.504
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.105.138.158	554.180.523
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4.763.703	1.213.809.843
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	226.638.040	641.396.660
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		226.638.040	641.194.694
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	63.652.800	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	388.299.821	187.072.798
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		431.311.200	939.520.908
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.205.590.158	
32	12. Chi phí khác	VI.8	225.047.174	8.438.197
40	13. Lợi nhuận khác		980.542.984	(8.438.197)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.411.854.184	931.082.711
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	327.380.273	187.904.182
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.084.473.911	743.178.529
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	177	121
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	177	121

Người lập



NGUYỄN THỊ CẨM THÚY

Kế toán trưởng



NGUYỄN MINH HẢI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



NGUYỄN MẠNH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.13	1.411.854.184	931.082.711
			(1.876.843.782)	(99.652.721)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	V.7	-	472.962.428
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		23.102.870	-
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.126.584.692)	(1.213.809.845)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4	226.638.040	641.194.694
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(464.989.598)	831.429.990
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.085.394.700)	11.514.019.694
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.835.862.351	(711.135.048)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.918.822.705)	(27.849.524.157)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		261.524.023	79.359.680
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	V.11	(540.582.019)	(641.194.694)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(163.851.919)	(118.134.935)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.076.254.567)	(16.895.179.470)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		5.971.242.055	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.700.000.000	15.450.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.910.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	1.021.740.398
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		21.581.242.055	16.471.740.398
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	16.300.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(15.000.000.000)	(14.997.074.500)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.000.000.000)	1.302.925.500
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(495.012.512)	879.486.428
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	2.214.960.125	1.426.423.896
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	1.719.947.613	2.305.910.324

Người lập

NGUYỄN THỊ CẨM THÚY

Kế toán trưởng

NGUYỄN MINH HẢI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



NGUYỄN MẠNH TUẤN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh thương mại nông sản, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đang thực hiện cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, chủ yếu tập trung nguồn vốn vào đầu tư tài chính dài hạn, do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này giảm 55% so với kỳ trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 3 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính

cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20
Máy móc và thiết bị	07 – 12

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và

các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	154.603.415	11.787.939
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.565.344.198	2.203.172.186
Cộng	1.719.947.613	2.214.960.125

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.395.173.816</i>	<i>1.892.571.466</i>
- Công ty Cổ phần Gỗ Việt Âu Mỹ	1.839.542.360	-
- Mr Ahmad Shad - Asah Safi LTD	1.186.503.456	1.186.503.456
- Các khách hàng khác	1.369.128.000	706.068.010
Cộng	4.395.173.816	1.892.571.466

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>790.968.206</i>	<i>57.830.030</i>
- Wood & Lumber LLC	755.853.976	-
- Các khách hàng khác	35.114.230	57.830.030
Cộng	790.968.206	57.830.030

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>59.000.000.000</i>	-	<i>53.148.519.504</i>	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Quang Phúc (*)	59.000.000.000	-	45.000.000.000	-
- Tạm ứng	-	-	8.000.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	148.519.504	-
Cộng	59.000.000.000	-	53.148.519.504	-

(*) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Quang Phúc để mua 92,59% phần vốn góp của Công ty TNHH Phát triển nhà Quang Phúc theo hợp đồng đặt cọc số 01/2024/QP IDC-QPX ngày 16/12/2024, giá chuyển nhượng: 251.851.851.852 đồng theo Phụ lục HĐ số 01-PLHĐ/2025/QP IDC-QPX ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Địa chỉ: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

01/04/2025, thời gian thực hiện hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2025. Nội dung mua phần vốn góp của Công ty TNHH Phát triển nhà Quang Phúc đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 24/10/2024.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.186.503.456)	(1.186.503.456)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	(1.186.503.456)	(1.186.503.456)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	-	-	1.242.995	-
- Thành phẩm	-	-	96.318	-
- Hàng hóa ⁽¹⁾	759.621.070	(23.102.870)	5.594.144.108	-
Cộng	759.621.070	(23.102.870)	5.595.483.421	-

Trong đó, giá trị hàng hóa tồn kho cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 0 đồng

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
- Số đầu năm	11.568.934.724	9.200.361.427	20.769.296.151
- Tăng trong kỳ	-	-	-
- Giảm trong kỳ	(11.568.934.724)	(9.200.361.427)	(20.769.296.151)
+ Thanh lý	(11.568.934.724)	(9.200.361.427)	(20.769.296.151)
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị hao mòn			
- Số đầu năm	8.017.249.591	8.907.389.197	16.924.638.788
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Khấu hao giảm trong kỳ	(8.017.249.591)	(8.907.389.197)	(16.924.638.788)
+ Thanh lý	(8.017.249.591)	(8.907.389.197)	(16.924.638.788)
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.551.685.133	292.972.230	3.844.657.363
Số cuối kỳ	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Địa chỉ: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	8.390.000.000	8.390.000.000	-	19.300.000.000	19.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Thành Phát ⁽²⁾	8.390.000.000	8.390.000.000	-	19.300.000.000	19.300.000.000	-
Cộng	8.390.000.000	8.390.000.000	-	19.300.000.000	19.300.000.000	-

⁽¹⁾ Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

⁽²⁾ Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 8.390.000.000 VND, tương đương 3,8% vốn chủ sở hữu (số đầu năm là 19.300.000.000 VND, tương đương 8,75% vốn điều lệ).

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	686.652.903	1.747.160.792
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thành Đô	540.000.000	-
- Các người bán khác	146.652.903	1.747.160.792
Cộng	686.652.903	1.747.160.792

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	670.000.000	1.389.628.772
- Nguyễn Thị Hương	670.000.000	-
- Các người mua trả tiền trước khác	-	1.389.628.772
Cộng	670.000.000	1.389.628.772

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	127.321.997	-	644.708.408	(670.011.316)	102.019.089	-
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	49.021.249	(49.021.249)	-	-
- Thuế TNDN	126.043.175	-	327.380.273	(163.851.919)	289.571.529	-
- Thuế TNCN	26.023.767	-	7.730.102	(7.107.602)	26.646.267	-
- Thuế nhà đất	-	284.300	-	(4.857.784)	-	5.142.084
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
- Thuế khác	5.153.343	-	-	-	5.153.343	-
Cộng	284.542.282	284.300	1.031.840.032	(897.849.870)	423.390.228	5.142.084

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Địa chỉ: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.411.854.184	931.082.711
Trong đó:		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐ chuyển nhượng bất động sản	953.155.465	-
- Lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐ kinh doanh khác	458.698.719	931.082.711
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	225.047.174	8.438.197
+ Chi phí không được trừ	225.047.174	8.438.197
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.636.901.358	939.520.908
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế từ HĐ chuyển nhượng bất động sản	953.155.465	-
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác	683.745.893	939.520.908
Chuyển lỗ các kỳ trước sang	-	-
Thu nhập tính thuế	1.636.901.358	939.520.908
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế từ HĐ chuyển nhượng bất động sản	953.155.465	-
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh khác	683.745.893	939.520.908
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo Thu nhập tính thuế trong kỳ	327.380.273	187.904.182
Thuế TNDN phải nộp truy thu của các kỳ trước	-	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	327.380.273	187.904.182

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số dư đầu năm	239.936.361	239.936.361
- Trích lập trong kỳ	-	-
- Sử dụng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	239.936.361	239.936.361

13. Vốn chủ sở hữu**13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024				
Số dư đầu năm trước	61.350.290.000	287.923.633	8.989.410.898	70.627.624.531
Lãi trong kỳ	-	-	743.178.529	743.178.529
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	61.350.290.000	287.923.633	9.732.589.427	71.370.803.060
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025				
Số dư đầu năm nay	61.350.290.000	287.923.633	9.244.971.761	70.883.185.394
Lãi trong kỳ	-	-	1.084.473.911	1.084.473.911
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	61.350.290.000	287.923.633	10.329.445.672	71.967.659.305

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân	14.006.360.000	22,83%	14.006.360.000	22,83%
- Ông Dương Văn Hiếu	13.956.360.000	22,75%	13.956.360.000	22,75%
- Ông Hồ Văn Tuấn	12.000.000.000	19,56%	12.000.000.000	19,56%
- Bà Nguyễn Thị Hằng	6.050.000.000	9,86%	3.000.000.000	4,89%
- Các đối tượng khác	15.337.570.000	25,00%	18.387.570.000	29,97%
Cộng	61.350.290.000	100%	61.350.290.000	100%

13.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	61.350.290.000	61.350.290.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	61.350.290.000	61.350.290.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

13.3. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.135.029	6.135.029
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	6.135.029	6.135.029
- Cổ phiếu phổ thông	6.135.029	6.135.029
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.135.029	6.135.029
- Cổ phiếu phổ thông	6.135.029	6.135.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

14. Tài khoản ngoài bảng*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)	397	397

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	39.216.032.876	86.315.020.257
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	933.079.770
Cộng	39.216.032.876	87.248.100.027

*Không phát sinh doanh thu với bên liên quan.***2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn bán hàng hóa	38.087.791.848	85.928.517.626
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	765.401.878
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23.102.870	-
Cộng	38.110.894.718	86.693.919.504

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	1.576.743	1.213.809.843
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.186.960	-
Cộng	4.763.703	1.213.809.843

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền vay	226.638.040	641.194.694
- Chi phí khác	-	201.966
Cộng	226.638.040	641.396.660

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.652.800	-
Cộng	63.652.800	-

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	160.252.179	36.000.000
- Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	6.754.166	26.762.211
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.885.697	19.534.020
- Chi phí bằng tiền khác	129.407.779	104.776.567
Cộng	388.299.821	187.072.798

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý tài sản trên đất	953.155.465	-
+ Thu nhập	5.454.545.455	-
+ Giá trị còn lại	(3.551.685.133)	-
+ Chi phí thanh lý khác	(949.704.857)	-
- Thanh lý tài sản cố định	223.724.370	-
+ Thu nhập	516.696.600	-
+ Giá trị còn lại	(292.972.230)	-
- Thu nhập khác	28.710.323	-
Cộng	1.205.590.158	-

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí khác	225.047.174	8.438.197
Cộng	225.047.174	8.438.197

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.084.473.911	743.178.529
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.084.473.911	743.178.529
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	6.135.029	6.135.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	177	121

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.084.473.911	743.178.529
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.084.473.911	743.178.529
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	6.135.029	6.135.029
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	177	121

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.754.166	26.762.211
- Chi phí nhân công	160.252.179	36.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	472.962.428
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.885.697	232.613.790
- Chi phí bằng tiền khác	193.060.579	184.136.247
Cộng	451.952.621	952.474.676

VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Lương, thưởng, thù lao			
Bà Nguyễn Thị Hường	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 31/03/2025)	18.000.000	36.000.000
Cộng		18.000.000	36.000.000

3.2. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty CP QP Land	Chung thành viên chủ chốt
2. Công ty CP Đầu tư xây dựng QP	Chung thành viên chủ chốt
3. Công ty TNHH QP Industrial Living	Chung thành viên chủ chốt
4. Công ty Luật TNHH MTV PT & Partners	Chung thành viên chủ chốt
5. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân	Cổ đông lớn (Chiếm 22,83%) – Thành viên HĐQT
6. Ông Dương Văn Hiếu	Cổ đông lớn (Chiếm 22,75%)
7. Ông Hồ Văn Tuấn	Cổ đông lớn (Chiếm 19,56%)
8. Bà Nguyễn Thị Hằng	Cổ đông lớn (Chiếm 9,86%)
9. Công ty TNHH Dương Phát Lộc	Ông Dương Văn Hiếu – Cổ đông lớn Công ty là Đại diện theo PL Công ty này

Nội dung giao dịch:

Không phát sinh giao dịch trong kỳ với các bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

• Kỳ này

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.216.032.876	-	39.216.032.876
- Giá vốn hàng bán	38.110.894.718	-	38.110.894.718
Lợi nhuận gộp	1.105.138.158	-	1.105.138.158

• Kỳ trước

Chỉ tiêu	Bán hàng	Cung cấp dịch vụ	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.315.020.257	933.079.770	87.248.100.027
- Giá vốn hàng bán	85.928.517.626	765.401.878	86.693.919.504
Lợi nhuận gộp	386.502.631	167.677.892	554.180.523

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QP XANH

Địa chỉ: Số 31 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Khu vực địa lý**• Kỳ này**

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.216.032.876	-	39.216.032.876
- Giá vốn hàng bán	38.110.894.718	-	38.110.894.718
Lợi nhuận gộp	1.105.138.158	-	1.105.138.158

• Kỳ trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.248.100.027	-	87.248.100.027
- Giá vốn hàng bán	86.693.919.504	-	86.693.919.504
Lợi nhuận gộp	554.180.523	-	554.180.523

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản của Công ty thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty không dùng các tài sản để thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ (dự kiến) lên 333.350.290.000 đồng theo Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2025 và Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 29/05/2025. UBCKNN đã nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty theo công văn số 3817/UBCK-QLCB ngày 25/07/2025.

Ngoài sự kiện nêu trên Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Người lập

NGUYỄN THỊ CẨM THÚY

Kế toán trưởng

NGUYỄN MINH HẢI

Tổng Giám đốc



NGUYỄN MẠNH TUẤN

